












Name:

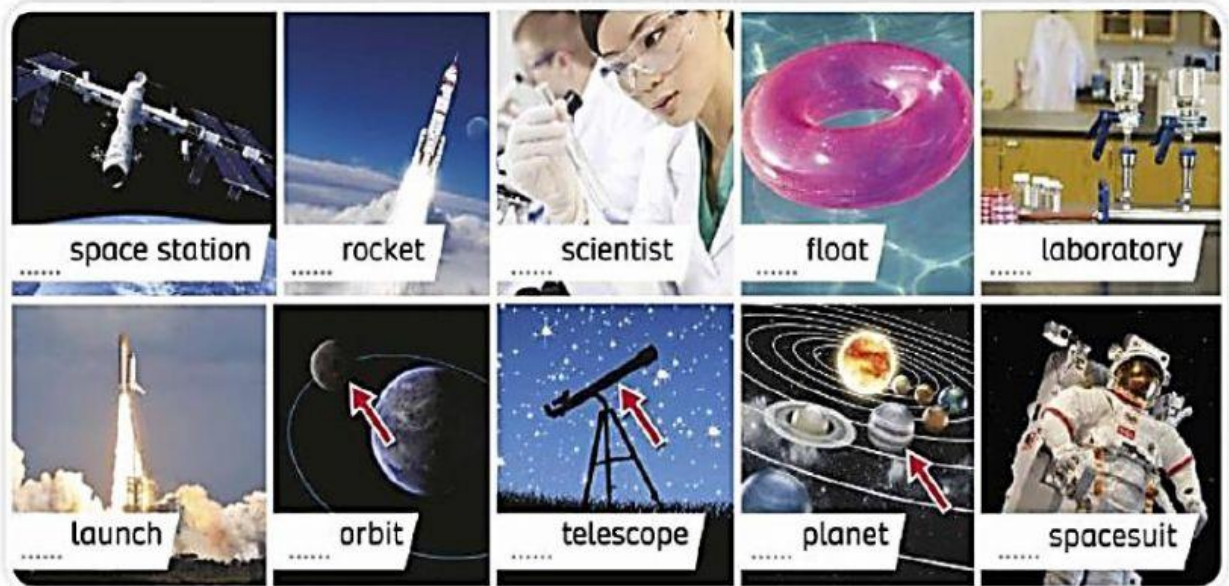
Class: 3A....

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (11 - 15/04/2022)

Thời gian	Nội dung học: Unit 8 – Vocabulary 2 + Reading 2 (trang 124 - 127)																						
Thứ 2 (11/04)	1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần) Con mở audio bên cạnh để nghe bài.																						
	<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="240 539 874 645">-ed adjectives (describe a feeling)</th> <th data-bbox="874 539 1503 645">-ing adjectives (describe the characteristic)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td data-bbox="240 645 874 701">interested</td><td data-bbox="874 645 1503 701">interesting</td></tr> <tr><td data-bbox="240 701 874 757">frightened</td><td data-bbox="874 701 1503 757">frightening</td></tr> <tr><td data-bbox="240 757 874 813">amazed</td><td data-bbox="874 757 1503 813">amazing</td></tr> <tr><td data-bbox="240 813 874 869">bored</td><td data-bbox="874 813 1503 869">boring</td></tr> <tr><td data-bbox="240 869 874 925">surprised</td><td data-bbox="874 869 1503 925">surprising</td></tr> <tr><td data-bbox="240 925 874 981">embarrassed</td><td data-bbox="874 925 1503 981">embarrassing</td></tr> <tr><td data-bbox="240 981 874 1037">worried</td><td data-bbox="874 981 1503 1037">worrying</td></tr> <tr><td data-bbox="240 1037 874 1093">excited</td><td data-bbox="874 1037 1503 1093">exciting</td></tr> <tr><td data-bbox="240 1093 874 1149">confused</td><td data-bbox="874 1093 1503 1149">confusing</td></tr> <tr><td data-bbox="240 1149 874 1182">disappointed</td><td data-bbox="874 1149 1503 1182">disappointing</td></tr> </tbody> </table>	-ed adjectives (describe a feeling)	-ing adjectives (describe the characteristic)	interested	interesting	frightened	frightening	amazed	amazing	bored	boring	surprised	surprising	embarrassed	embarrassing	worried	worrying	excited	exciting	confused	confusing	disappointed	disappointing
-ed adjectives (describe a feeling)	-ing adjectives (describe the characteristic)																						
interested	interesting																						
frightened	frightening																						
amazed	amazing																						
bored	boring																						
surprised	surprising																						
embarrassed	embarrassing																						
worried	worrying																						
excited	exciting																						
confused	confusing																						
disappointed	disappointing																						
2) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần) Con mở audio bên cạnh để nghe bài.																							
<table border="1"> <tbody> <tr> <td data-bbox="268 1413 533 1697">  space station </td> <td data-bbox="533 1413 751 1697">  rocket </td> <td data-bbox="751 1413 995 1697">  scientist </td> <td data-bbox="995 1413 1235 1697">  float </td> <td data-bbox="1235 1413 1481 1697">  laboratory </td> </tr> <tr> <td data-bbox="268 1697 533 1980">  launch </td> <td data-bbox="533 1697 751 1980">  orbit </td> <td data-bbox="751 1697 995 1980">  telescope </td> <td data-bbox="995 1697 1235 1980">  planet </td> <td data-bbox="1235 1697 1481 1980">  spacesuit </td> </tr> </tbody> </table>			 space station	 rocket	 scientist	 float	 laboratory	 launch	 orbit	 telescope	 planet	 spacesuit											
 space station	 rocket	 scientist	 float	 laboratory																			
 launch	 orbit	 telescope	 planet	 spacesuit																			

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở audio bên cạnh để nghe bài.



Thứ 3
(12/04)

2) Con làm phiếu số 2 trên <https://www.liveworksheets.com/>

1) Con nghe và đọc bài “Life on the International Space station” (trang 126-127) sách Student Book.

Con mở audio bên cạnh để nghe bài.



Thứ 4
(13/04)

2) Con làm phiếu số 3 trên <https://www.liveworksheets.com/>

<p>Thứ 5 (14/04)</p>	<p>1) Con nghe và đọc bài “Life on the International Space station” (trang 126-127) sách Student Book. Con mở audio bên cạnh để nghe bài.</p>  <p>2) Con làm phiếu số 4 trên https://www.liveworksheets.com/</p>
<p>Thứ 6 (15/04)</p>	<p>1) Con làm phiếu số 5, 6 trên https://www.liveworksheets.com/ 2) Con luyện đọc bài trên Teams.</p>

~ THE END ~